

TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4/2019



**Nơi nhận:**

**Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020**

**MỤC LỤC**

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	2-5
3. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7-8
5. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9-36

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Mẫu B 01 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>254.559.906.403</b>	<b>240.704.858.318</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V. 1	<b>28.704.762.762</b>	<b>24.867.048.278</b>
1. Tiền	111		27.704.762.762	24.867.048.278
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.446.476.145</b>	<b>17.455.762.191</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V. 2	19.446.476.145	17.455.762.191
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>120.855.897.895</b>	<b>131.737.301.050</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V. 3	30.494.173.368	57.305.813.326
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V. 4	63.870.334.230	63.421.718.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		18.410.000.000	12.380.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V. 5	15.511.253.993	4.945.175.948
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V. 7	(7.429.863.696)	(6.315.406.474)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V. 6	<b>84.804.336.836</b>	<b>64.052.438.914</b>
1. Hàng tồn kho	141		84.804.336.836	64.052.438.914
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>748.432.765</b>	<b>2.592.307.885</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 12	618.639.225	563.505.503
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.590.056	1.959.773.629
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V. 16	125.203.484	69.028.753
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>355.095.746.727</b>	<b>379.732.346.288</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V. 5	-	3.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>97.700.704.616</b>	<b>100.268.456.755</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V. 9	83.423.542.088	85.588.432.695
<i>Nguyên giá</i>	222		180.343.751.936	173.407.144.889
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.920.209.848)	(87.818.712.194)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V. 10	14.277.162.528	14.680.024.060
<i>Nguyên giá</i>	228		16.970.834.944	16.970.834.944
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.693.672.416)	(2.290.810.884)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V. 11	<b>44.442.472.355</b>	<b>47.598.421.703</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		88.685.070.015	88.554.410.015
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(44.242.597.660)	(40.955.988.312)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.389.748.881</b>	<b>26.704.488.635</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V. 8	5.758.621.872	24.686.494.444
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V. 8	631.127.009	2.017.994.191
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>193.323.646.104</b>	<b>191.284.643.232</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V. 2	186.755.932.081	184.716.929.209
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V. 2	7.451.619.996	7.451.619.996
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(883.905.973)	(883.905.973)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.239.174.771</b>	<b>13.873.335.963</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V. 12	10.866.612.088	10.317.233.076
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.661.012.919	2.370.186.613
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		711.549.764	1.185.916.274
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>609.655.653.130</b>	<b>620.437.204.606</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>223.524.546.862</b>	<b>246.436.712.620</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>138.877.390.150</b>	<b>169.773.978.342</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V. 14	20.589.907.526	19.306.606.410
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V. 15	6.585.631.468	6.627.731.480
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V. 16	4.983.699.125	3.113.653.671
4. Phải trả người lao động	314		7.380.344.980	6.504.158.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V. 17	1.056.631.193	1.350.194.057
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V. 20a	7.185.974.523	6.612.219.028
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V. 18	6.824.921.730	4.937.414.790
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V. 13	82.894.197.818	119.141.505.140
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V. 19	1.376.081.787	2.180.494.975
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.647.156.712</b>	<b>76.662.734.278</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V. 20b	74.495.935.000	66.655.353.566
7. Phải trả dài hạn khác	337		4.928.380.712	4.928.380.712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V. 13	5.222.841.000	5.079.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>386.131.106.268</b>	<b>374.000.491.986</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>386.131.106.268</b>	<b>374.000.491.986</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V. 21	275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.000.000.000	275.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V. 21	-	522.569.600
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V. 21	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V. 21	25.598.521.498	24.711.282.236
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V. 21	12.703.335.540	12.703.335.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V. 21	52.340.480.252	42.146.434.037
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.423.318.660	8.763.282.975
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.917.161.592	33.383.151.062
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V. 22	20.488.768.978	18.916.870.573
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>609.655.653.130</b>	<b>620.437.204.606</b>

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Đức Phước  
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng

Đông Thị Ánh  
Tổng giám đốc



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Mẫu B 02 - DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2019 -> 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Từ 01/10/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/10/2018 -> 31/12/2018	Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		104.096.189.545	154.672.407.948	714.591.315.651	571.579.920.247
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI. 1	<b>104.096.189.545</b>	<b>154.672.407.948</b>	<b>714.591.315.651</b>	<b>571.579.920.247</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 2	79.533.133.803	119.237.955.696	610.264.843.045	464.698.499.777
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>24.563.055.742</b>	<b>35.434.452.252</b>	<b>104.326.472.606</b>	<b>106.881.420.470</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 3	7.482.871.665	635.421.045	13.014.310.979	5.323.816.897
7. Chi phí tài chính	22	VI. 4	1.291.346.733	1.791.647.578	6.384.718.671	5.142.041.551
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.237.525.095</i>	<i>1.497.648.472</i>	<i>5.931.295.228</i>	<i>4.343.303.415</i>
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24	VI. 7	6.171.387.601	3.801.940.009	6.749.925.487	6.685.973.231
9. Chi phí bán hàng	25		7.733.307.687	12.416.232.023	42.957.578.336	40.331.062.725
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8.671.801.552	7.332.555.343	27.728.998.756	27.659.769.201
11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>20.520.859.036</b>	<b>18.331.378.362</b>	<b>47.019.413.309</b>	<b>45.758.337.121</b>
12. Thu nhập khác	31	VI. 5	226.991.879	553.626.357	363.079.114	1.291.392.880
13. Chi phí khác	32	VI. 6	378.512.958	704.907.529	987.171.331	1.170.433.426
14. <b>Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(151.521.079)</b>	<b>(151.281.172)</b>	<b>(624.092.217)</b>	<b>120.959.454</b>
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>20.369.337.957</b>	<b>18.180.097.190</b>	<b>46.395.321.092</b>	<b>45.879.296.575</b>
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI. 8	2.376.242.022	3.026.578.297	6.622.111.208	7.528.987.171
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		78.828.723	-	709.173.694	-
18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>17.914.267.212</b>	<b>15.153.518.893</b>	<b>39.064.036.190</b>	<b>38.350.309.404</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61	VI. 9	(418.429.089)	405.375.937	4.999.494.197	3.448.565.034
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông cty mẹ	62		18.332.696.301	14.748.142.956	34.064.541.993	34.901.744.370
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI. 10	667	432	1.239	1.165
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI. 10	667	432	1.239	1.165

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Nguyễn Đức Phước  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Anh  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 03 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Năm trước Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.395.321.092	45.879.296.575
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VII. 1	15.560.896.114	13.283.835.824
- Các khoản dự phòng	03		1.114.457.222	(272.835.001)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.122.753	222.273.329
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VII. 2	(18.961.764.596)	(10.977.253.998)
- Chi phí lãi vay	06		5.931.295.228	4.343.303.415
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>50.069.327.813</b>	<b>52.478.620.144</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.515.743.150	(31.764.680.875)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.824.025.350)	(18.624.952.131)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, Thuế TNDN phải nộp)	11		10.361.780.507	9.973.508.267
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(130.146.224)	(5.268.830.104)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.967.058.237)	(4.269.123.670)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.810.731.685)	(7.407.815.120)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.090.000	131.131.347
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.117.748.359)	(4.997.160.476)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>68.099.231.615</b>	<b>(9.749.302.618)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.725.817.364)	(1.280.747.418)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		312.727.272	390.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(20.347.187.894)	(38.435.762.191)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.326.473.940	26.250.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.420.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.129.875.990	8.045.728.736
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.303.928.056)</b>	<b>(6.450.480.873)</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			Từ 01/01/2019 -> 31/12/2019	Từ 01/01/2018 -> 31/12/2018
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 3	474.877.330.770	322.591.329.433
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII. 4	(511.010.058.642)	(260.291.019.493)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và CĐTS	36		(22.825.000.000)	(24.955.750.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(58.957.727.872)</b>	<b>37.344.559.940</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.837.575.687</b>	<b>21.144.776.449</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>24.867.048.278</b>	<b>3.759.691.314</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			138.797	(37.419.485)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>28.704.762.762</b>	<b>24.867.048.278</b>

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020


Nguyễn Đức Phước  
Lập biểu

Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng
  
 Đồng Thị Ánh  
 Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức vốn chủ sở hữu: Công ty cổ phần**

Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần (viết tắt là PISICO) tiền thân là Tổng công ty Sản Xuất Đầu Tư Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Bình Định là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu được thành lập theo Quyết định số 265/QĐ-UBND ngày 23/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100258987 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Bình Định cấp lần đầu ngày 01/9/2010.

Ngày 17/10/2013, UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3065/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa chuyển Tổng công ty Sản Xuất Đầu tư Dịch Vụ XNK Bình Định thành Tổng công ty PISICO Bình Định - Công ty cổ phần.

Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 27/01/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4100258987 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 27 tháng 01 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi sau đó.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty PISICO Bình Định - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 3 đến lần đăng ký thay đổi lần thứ 7 là 275.000.000.000 đồng, được chia thành 27.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Trụ sở chính của PISICO đặt tại 99 Tây Sơn, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

**2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Chế biến lâm sản; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ và khai thác lâm sản khác; Tư vấn thiết kế công trình lâm sinh; Kinh doanh truyền hình cáp; Kinh doanh dịch vụ cảng biển, dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ cho thuê kho, bãi, bảo quản hàng hóa; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Sản xuất các loại bao bì, sản phẩm tiêu dùng từ chất dẻo; Đầu tư hạ tầng; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật hạ tầng; Kinh doanh nguyên liệu giấy; Khai thác, chế biến và mua bán hàng nông, lâm, thủy sản; Sản xuất và mua bán hàng công nghiệp thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, may mặc, giày da; Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên phụ liệu ngành nông, lâm, thủy sản và vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc, phương tiện vận tải, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu; Kinh doanh truyền hình cáp và vật tư, thiết bị viễn thông; Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán tài nguyên khoáng sản các loại; Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp.

**3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>a. Công ty con</b>					
	Công ty CP DV PT Hạ tầng Cty TNHH MTV truyền hình Cấp Quy Nhơn	Phường Nhơn Bình, 198 Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn	15.000.000.000 10.000.000.000	70,83% 100%	70,83% 100,00%
	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Đường số 10, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn.	24.500.000.000	51%	51,00%
	Công ty TNHH MTV HR PISICO	99 Tây sơn, Phường Ghềnh Ráng Tp.Quy	5.000.000.000	100%	100,00%
<b>b. Công ty liên doanh, liên kết</b>					
	Công ty CP Kinh doanh CNN Bình Định	99 Tây Sơn, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	180.000.000.000	50%	50,00%
	Công ty CP chế biến gỗ PISICO Đồng An	Lô C, KCN Đồng An, Huyện Thuận An, Bình Dương	17.600.000.000	31,28%	31,28%
	Công ty CP chế biến gỗ Nội Thất PISICO	Lô C6-C7, KCN Phú Tài, Tp.Quy Nhơn, Bình Định	15.000.000.000	40,01%	40,01%
	Công ty CP PISICO Hà Thanh	Cụm Công nghiệp Canh Vinh, Vân Canh, Bình Định	16.500.000.000	44,97%	44,97%
	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Thôn Quy hội, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Bình Định	20.000.000.000	35,00%	35,00%
<b>c. Các đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty:</b>					
	▶ <b>Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Xuất khẩu Pisico - Chi nhánh Pisico</b> Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Nhơn Phú, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ <b>Xí nghiệp Lâm nghiệp Pisico - Chi nhánh Pisico</b> Địa chỉ: Khu vực 7, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.				
	▶ <b>Xí nghiệp kinh doanh và Phát triển hạ tầng Pisico - Chi nhánh Pisico</b> Địa chỉ: 99 Tây Sơn, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định				

**6. Khả năng so sánh thông tin****II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của PISICO bắt đầu từ ngày 01/01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)



## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ Kế toán và chuẩn mực kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty được trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2019 và kết thúc ngày 31/12/2019.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, kể từ ngày công ty mẹ được ủy nhiệm kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của Chủ sở hữu của công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam)

#### 2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

#### 3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

- Chứng khoán kinh doanh
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu "các khoản tương đương tiền", chỉ tiêu "phải thu về cho vay ngắn hạn"

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán nợ khác; chỉ tiêu này không bao gồm các khoản cho vay được trình bày trong chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"

- Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phân loại là ngắn hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng khế ước, hợp đồng vay giữa 2 bên

*hbc*

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản cho vay được phân loại là dài hạn khi có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng tại thời điểm báo cáo, như cho các khoản vay bằng kế ước, hợp đồng thỏa thuận vay giữa 2 bên

#### - Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

#### - Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: là các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể; các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

#### - các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính

### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ bao gồm: các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn khi có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Các khoản phải thu được phân loại là dài hạn khi có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh thông thường.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc

Giá gốc của hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho là thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên liệu và chi phí sản xuất chung

Hàng tồn kho được đánh giá thực tế trên cơ sở kiểm kê số lượng, chất lượng thực tế, mặt bằng giá thị trường hiện thời và giá trị hình thành của tài sản.

Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại thời điểm phát sinh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

##### - Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### - Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

##### - Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và TT 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 45/2013/TT-BTC

##### - Tài sản cố định thuê tài chính

##### - Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐS đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

#### 9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### 10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước



## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

#### 12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả phản ánh các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD mà TCTy phải trả, phải thanh toán cho các chủ nợ, bao gồm các khoản phải trả cho người bán, cho Nhà nước, cho công nhân viên và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được phân loại là ngắn hạn khi TCTy có trách nhiệm trả trong vòng 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh bình thường

Nợ phải trả được phân loại là dài hạn khi TCTy xác định thời gian phải trả là trên 1 năm

Đối với các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ, cuối kỳ quyết toán TCTy đánh giá lại theo tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi TCTy mở tài khoản

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại là dài hạn khi có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính thì được phân loại là ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay và nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay... Được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

#### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Thuyết minh báo cáo tài chính **hợp nhất** (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản khác như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay.....

#### 18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

#### 19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của Chủ sở hữu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.





## TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

#### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thì TCTy điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì TCTy ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư...ngoài ra còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐSĐT....

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho TCTy loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm theo thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát, TCTy tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có)

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, Tcty sẽ tính vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có) kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ

#### 23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính



**24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh thực tế phát sinh quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, quảng bá thương hiệu, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển .....

Chi phí quản lý bao gồm các khoản chi phí về tiền lương của Ban lãnh đạo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của Cán bộ CNV TCTy, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi .....

Đối với các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo chế độ kế toán thì TCTy không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành , chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

*- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****26. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt tại quỹ	1.833.807.122	805.235.653
Tiền gửi ngân hàng	25.870.955.640	24.061.812.625
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tính đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng)	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>28.704.762.762</u></b>	<b><u>24.867.048.278</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Tại ngày 31/12/2019</u>		<u>Tại ngày 01/01/2019</u>	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
<b>a1. Ngắn hạn</b>	<b>19.446.476.145</b>	-	<b>17.455.762.191</b>	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	19.446.476.145	-	17.455.762.191	-
<b>a2. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>19.446.476.145</b>	-	<b>17.455.762.191</b>	-

**b. Đầu tư tài chính dài hạn****b1. Đầu tư vào đơn vị khác**

	<u>Tại ngày 31/12/2019</u>		<u>Tại ngày 01/01/2019</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Chế biến Lâm sản Pisico Quảng Nam	22.750	3.776.950.866	22.750	3.776.950.866
Công ty Cổ phần Tinh bột sắn Bình Định	355.810	3.639.669.130	355.810	3.639.669.130
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam (Vicosimex)	3.000	35.000.000	3.000	35.000.000
<b>Cộng</b>		<b><u>7.451.619.996</u></b>		<b><u>7.451.619.996</u></b>

Thông tin về Công ty đầu tư dài hạn tại ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty CP Chế biến tinh bột sắn	Thôn Hữu Lộc, Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, Bình Định	28.000.000.000	12,71%
Công ty CP CB LS PISICO Quảng Nam	Tam Nghĩa, Núi Thành, Quảng Nam	12.000.000.000	18,96%

**\* Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Công ty CP Chế biến tinh bột sắn XK Bình Định	883.905.973	883.905.973
<b>Cộng</b>	<b><u>883.905.973</u></b>	<b><u>883.905.973</u></b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**b2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh**

	Công ty CP chế biến gỗ Pisico Đông An	Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thành	Công ty CP chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty CP Kinh doanh Công nông nghiệp Bình Định	Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	Công ty TNHH SX Dăm gỗ BD (Gián tiếp)	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	10.300.580.309	11.653.363.194	3.870.743.759	13.413.203.018	137.011.689.295	6.995.116.289		183.244.695.864
Phản lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	2.114.643.818	285.890.353	2.475.831.974	3.997.254.361	(3.529.772.455)		1.342.125.180	6.685.973.231
Cổ tức nhận trong kỳ	(2.367.270.400)	(484.500.000)		(4.141.380.000)				(6.993.150.400)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	(36.331.502)	(112.500.000)	(246.332.156)	(405.426.973)			4.777.401.898	3.976.811.267
Góp vốn vào Cty LD&LK 2018			1.420.000.000					1.420.000.000
CLTG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2018								
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (vốn góp)		(11.101.830.626)			(3.963.130.664)			(3.963.130.664)
Chuyển Cty LDLK thành Cty con (CL theo PP VCSH)		(240.422.921)						(11.101.830.626)
Tăng đầu tư gián tiếp vào Cty LDLK thông qua Công ty con								(240.422.921)
Điều chỉnh khác					4.528.483.458		7.159.500.000	7.159.500.000
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>10.011.622.225</b>	<b>-</b>	<b>7.520.243.577</b>	<b>12.863.650.406</b>	<b>134.047.269.634</b>	<b>6.995.116.289</b>	<b>13.279.027.078</b>	<b>184.716.929.209</b>
Phản lãi / lỗ trong công ty liên kết ứng với phần tỷ lệ sở hữu	1.612.334.438		3.655.085.331	5.456.404.792	(3.038.812.567)	(935.086.507)		6.749.925.487
Cổ tức nhận trong kỳ	(1.816.742.400)		(2.226.000.000)	(4.201.400.000)			(487.897.454)	(8.732.039.854)
Các khoản tăng / giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết	(34.408.000)		(100.243.577)	(467.748.103)			3.928.419.718	3.133.877.977
CL.TG trên bảng CĐKT ứng với tỷ lệ sở hữu tại ngày 31/12/2019					(1.063.886.645)		1.951.125.907	887.239.262
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>9.772.806.263</b>	<b>-</b>	<b>8.849.085.331</b>	<b>13.650.907.095</b>	<b>129.944.570.422</b>	<b>5.867.887.721</b>	<b>18.670.675.249</b>	<b>186.755.932.081</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**3. Phải thu của khách hàng**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<b>a. Tổng Công ty PISICO</b>	<b>12.988.518.831</b>	<b>50.083.314.712</b>
Khách hàng DEHNER	-	909.991.500
Cty TNHH SX TM Tâm Phú	601.118.358	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	55.488.800	23.878.196
Công ty TNHH TM Ánh Vy	1.507.579.550	862.589.696
Khách hàng A-MIR (Garden Team)	-	688.540.322
Công ty CP VLXD Mỹ Quang	10.000.000	27.794.715
Cty CP HD Rurniture Group	305.865.000	118.212.050
Khách hàng ASINDO	2.818.192.859	1.122.415.470
Cty TNHH SX TM Lê Dung	-	197.717.161
Khách hàng Globus (nordio)	-	1.365.870.845
Cty TNHH An Lộc Phát	4.106.769	-
Khách hàng ADEO	-	39.853.325.733
Công ty CP PISICO - Hà Thanh	1.160.399.230	-
Công ty CP Kỹ nghệ gỗ Tiến Đạt	1.639.003.424	-
Công ty CP gỗ Đại Phúc	318.441.805	1.255.429.790
Công ty CP ĐT Quốc tế & XNK DHT	1.063.628.703	998.355.952
Công ty TNHH Vạn Đại	1.911.231.113	1.286.870.841
Công ty TNHH Thành Luân	300.774.889	250.456.687
Công ty CP Phú tài	23.082.257	-
Công ty bao bì Hòa Phát	315.115.937	405.228.500
Công ty TNHH XD & MT Long Phước	-	3.318.947
Công ty TNHH Hoàng Gia	468.322.855	227.151.025
Công ty TNHH TM DV Vân Nguyễn	486.167.282	486.167.282
<b>b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC</b>	<b>8.242.831.941</b>	<b>7.109.281.889</b>
DNTN Phú Lợi	1.864.384.698	1.592.274.527
Cty TNHH TM Phú Mỹ	937.379.828	817.528.879
Cty CP Sản xuất XNK Tân Việt	1.008.191.810	992.956.596
Công ty TNHH TM Ánh Việt	1.559.303.555	774.797.549
Khách hàng khác	2.873.572.050	2.931.724.338
<b>c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN</b>	<b>328.776.565</b>	<b>74.115.500</b>
Cty TNHH THC Saigontourist	232.683.403	-
Cty TNHH mua sắm tại nhà VTV-Hyundai	66.925.000	60.875.000
Khách hàng khác	29.168.162	13.240.500
<b>d. Cty TNHH nguyên liệu giấy QN</b>	<b>8.934.046.031</b>	<b>39.101.225</b>
Cty TNHH MTV Hào Hưng Quảng Ngãi	8.934.046.031	-
Khách hàng khác	-	39.101.225
<b>Cộng</b>	<b><u>30.494.173.368</u></b>	<b><u>57.305.813.326</u></b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Tổng Công ty PISICO</b>	<b>60.616.251.180</b>	<b>61.093.000.000</b>
Công ty TNHH TM Ánh Việt	17.000.000.000	17.000.000.000
Cty TNHH Cơ khí Lam Sơn	4.500.000	308.000.000
Cty TNHH Vũ Hà	-	25.000.000
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	43.000.000.000	43.000.000.000
Công ty CP chứng khoán NH Công thương VN	50.000.000	50.000.000
Cty TNHH MTV Toyota Bình Định	-	50.000.000
Cty TNHH Máy thuê An Phước	17.346.000	-
Cty TNHH ĐT & XD Lê gia	230.000.000	-
Cty TNHH MTV Hậu Minh	-	660.000.000
Cty TNHH DV Danh Thắng	314.405.180	-
<b>b. Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC</b>	<b>62.537.000</b>	<b>63.537.000</b>
Công ty TNHH Kiểm toán FAC-CN Nha Trang	20.000.000	21.000.000
Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật & MT Trung việt	42.537.000	42.537.000
<b>c. Cty TNHH MTV Truyền Hình cáp QN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d. Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN</b>	<b>3.191.546.050</b>	<b>2.265.181.250</b>
Trần Thanh Tâm	794.305.450	794.305.450
Đặng Ngọc Sơn	741.390.900	741.390.900
Cty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh	1.000.000.000	-
Khách hàng khác	655.849.700	729.484.900
<b>Cộng</b>	<b>63.870.334.230</b>	<b>63.421.718.250</b>

**5. Phải thu khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>- Ngắn hạn</b>	<b>15.511.253.993</b>	<b>4.945.175.948</b>
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của các đơn vị thuê đất	4.067.061	12.813.942
Công ty thương mại và phát triển Miền núi		
Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	62.075.805	84.427.784
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng + Lãi ứng vốn	366.372.986	328.160.958
Công ty TNHH Khoáng sản Việt Lâm	2.795.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	1.105.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	87.303.392	-
Công ty CP KD CNN Bình Định	669.747.800	-
Công ty CP Tinh bột sắn XK Bình Định	1.033.203.572	1.009.076.500
Tạm ứng CBCNV	664.770.131	894.702.731
Cổ tức được chia	7.365.150.400	2.301.456.000
Tiền thuê đất thô phải thu của các DN	279.057.030	219.632.033
Phải thu về thoái vốn Nhà nước	-	-
Ký quỹ	1.001.656.024	-
Các khoản khác	77.849.792	94.906.000
<b>- Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>3.000.000</b>
Tiền đặt cọc thuê Văn phòng Truyền hình cáp	-	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.511.253.993</b>	<b>4.948.175.948</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<b>6. Hàng tồn kho</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Hàng mua đang đi đường	139.228.076	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.061.614.853	16.648.520.136
Công cụ, dụng cụ trong kho	1.489.122.937	1.222.781.221
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	31.905.911.971	19.217.880.842
Thành phẩm tồn kho	36.562.849.477	26.317.647.193
Hàng hóa bất động sản	645.609.522	645.609.522
<b>Cộng</b>	<b>84.804.336.836</b>	<b>64.052.438.914</b>

<b>7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tổng Công ty PISICO	1.857.395.146	1.792.942.187
Cty CP DV Phát triển Hạ tầng PBC	2.766.300.769	1.673.296.506
Cty TNHH MTV Truyền hình Cấp QN	18.006.000	18.006.000
Cty TNHH Nguyên liệu giấy QN	2.788.161.781	2.831.161.781
<b>Cộng</b>	<b>7.429.863.696</b>	<b>6.315.406.474</b>

\* Chi tiết:

Tại ngày 31/12/2019			Tại ngày 01/01/2019		
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
4.700.756.821	-	Trên 3 năm	4.322.332.677	-	Trên 3 năm
1.289.574.922	387.552.693	Từ 2-3 năm	611.424.144	183.427.244	Từ 2-3 năm
2.724.444.020	1.362.707.876	Từ 1-2 năm	2.353.618.292	1.176.809.142	Từ 1-2 năm
1.552.133.409	1.086.784.907	Từ 6 tháng - 1 năm	1.294.225.817	905.958.070	Từ 6 tháng - 1 năm
<b>10.266.909.172</b>	<b>2.837.045.476</b>		<b>8.581.600.930</b>	<b>2.266.194.456</b>	

<b>8. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	<b>5.758.621.872</b>	<b>24.686.494.444</b>
- CP Trồng Rừng kinh tế	5.758.621.872	24.686.494.444
<b>b. Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>631.127.009</b>	<b>2.017.994.191</b>
- Các hạng mục tại Cụm công nghiệp Canh Vinh	631.127.009	631.127.009
- Mua sắm tài sản cố định của TCTy	-	1.122.549.000
- Dự án internet và THKTS tại Cty Truyền Hình Cấp	-	264.318.182
<b>Cộng</b>	<b>6.389.748.881</b>	<b>26.704.488.635</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, đồ dùng quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Tại 01/01/2019	77.730.985.597	79.462.030.415	13.700.966.944	1.457.678.251	1.055.483.682	173.407.144.889
Đầu tư mới	2.069.332.909	6.790.938.182	1.103.945.455	-	-	9.964.216.546
Thanh lý, nhượng bán	-	2.727.609.499	300.000.000	-	-	3.027.609.499
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>79.800.318.506</b>	<b>83.525.359.098</b>	<b>14.504.912.399</b>	<b>1.457.678.251</b>	<b>1.055.483.682</b>	<b>180.343.751.936</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại 01/01/2019	31.895.395.022	45.263.362.965	8.786.279.527	983.873.494	889.801.186	87.818.712.194
Trích khấu hao	3.555.859.808	7.166.627.201	885.533.390	209.475.631	53.929.204	11.871.425.234
Thanh lý	-	2.469.927.580	300.000.000	-	-	2.769.927.580
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>35.451.254.830</b>	<b>49.960.062.586</b>	<b>9.371.812.917</b>	<b>1.193.349.125</b>	<b>943.730.390</b>	<b>96.920.209.848</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/01/2019	45.835.590.575	34.198.667.450	4.914.687.417	473.804.757	165.682.496	85.588.432.695
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>44.349.063.676</b>	<b>33.565.296.512</b>	<b>5.133.099.482</b>	<b>264.329.126</b>	<b>111.753.292</b>	<b>83.423.542.088</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất + CP GPMB	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	3.309.570.944	13.607.264.000	54.000.000	16.970.834.944
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>3.309.570.944</b>	<b>13.607.264.000</b>	<b>54.000.000</b>	<b>16.970.834.944</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	484.328.532	1.779.482.352	27.000.000	2.290.810.884
Trích khấu hao	80.721.244	308.640.288	13.500.000	402.861.532
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>565.049.776</b>	<b>2.088.122.640</b>	<b>40.500.000</b>	<b>2.693.672.416</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	2.825.242.412	11.827.781.648	27.000.000	14.680.024.060
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>2.744.521.168</b>	<b>11.519.141.360</b>	<b>13.500.000</b>	<b>14.277.162.528</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình	Công trình hạ tầng Cụm công nghiệp Cát Nhơn + C.Vinh	Tổng cộng
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	38.635.719.983	49.918.690.032	88.554.410.015
Đầu tư mới	-	130.660.000	130.660.000
Phát sinh giảm	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>38.635.719.983</b>	<b>50.049.350.032</b>	<b>88.685.070.015</b>
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	31.966.145.349	8.989.842.963	40.955.988.312
Trích khấu hao	2.589.877.008	696.732.340	3.286.609.348
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>34.556.022.357</b>	<b>9.686.575.303</b>	<b>44.242.597.660</b>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	6.669.574.634	40.928.847.069	47.598.421.703
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>4.079.697.626</b>	<b>40.362.774.729</b>	<b>44.442.472.355</b>

Bất động sản đầu tư bao gồm các công trình hạ tầng kỹ thuật tại Cụm công nghiệp Nhơn Bình (thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định), Cụm công nghiệp Cát Nhơn (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định) và Cụm công nghiệp Canh Vinh (xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định) đang cho bên thứ 3 thuê.

**12. Chi phí trả trước**

	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	618.639.225	563.505.503
Chi phí trả trước dài hạn	10.866.612.088	10.317.233.076
<b>Cộng</b>	<b>11.485.251.313</b>	<b>10.880.738.579</b>

**13. Vay và nợ thuế tài chính**

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	CLTG cuối kỳ	Tại ngày 31/12/2019
VCB Quy Nhơn (a)	119.141.505.140	471.779.489.770	508.056.058.642	29.261.550	82.894.197.818
Vay Việt Nam Đồng	77.370.512.275	434.073.089.584	442.684.577.491	-	68.759.024.368
Vay Đô - la Mỹ	38.806.992.865	32.882.400.186	61.787.481.151	29.261.550	9.931.173.450
Vay dài hạn đến hạn trả	2.964.000.000	4.824.000.000	3.584.000.000	-	4.204.000.000
<b>Cộng</b>	<b>119.141.505.140</b>	<b>471.779.489.770</b>	<b>508.056.058.642</b>	<b>29.261.550</b>	<b>82.894.197.818</b>

- Chi tiết phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Điều chỉnh trong kỳ	Tại ngày 31/12/2019
A. Vay dài hạn	5.079.000.000	3.097.841.000	2.954.000.000	-	5.222.841.000
VCB Quy Nhơn (a)	5.079.000.000	3.097.841.000	2.954.000.000	-	5.222.841.000
Vay Việt Nam Đồng	5.079.000.000	3.097.841.000	2.954.000.000	-	5.222.841.000
<b>Cộng</b>	<b>5.079.000.000</b>	<b>3.097.841.000</b>	<b>2.954.000.000</b>	<b>-</b>	<b>5.222.841.000</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Tổng Công ty PISICO</b>	<b>4.809.829.134</b>	<b>14.634.678.359</b>
Công ty TNHH MTV Hậu Minh	497.992.645	-
Cty TNHH SX TM DV Đức Thịnh	830.584.375	-
DNTN Dệt May TM Vạn Phát	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty cổ phần phần mềm thông tin kinh doanh	9.000.000	9.000.000
Công ty TNHH Thảo Truyền	151.900.000	151.900.000
Cty Lào BIDINA	139.228.076	-
Công ty TNHH Hưng Lợi Phát	128.736.014	-
Công ty TNHH Đức Thành	227.271.599	1.435.695.350
Công ty TNHH Lê Gia	-	662.102.754
Công ty TNHH Hoàng Trang	247.907.253	1.630.858.680
Khách hàng Lê Hữu Tài	20.947.568	7.860.696
Công ty TNHH Hóa Keo Bình Thạnh	-	166.761.265
Công ty TNHH SX TM Bảo Bảo	-	41.692.816
Cửa hàng Hoàng Yên	-	108.088.800
DNTN Quang Huy	25.405.600	67.639.000
Cửa hàng TCT	-	138.360.600
Khách hàng Nguyễn Hạnh Cúc	-	131.715.000
Khách hàng Kim Tuyền	5.400.200	76.748.680
Công ty TNHH DV TM Tân Phát	24.812.480	202.523.200
Công ty TNHH kỹ nghệ Eco	281.172.476	521.313.920
Cửa hàng Đức Toán	149.739.900	-
Công ty CP Tân Tiến	-	661.957.843
Công ty TNHH SX TM Xuyên Việt	-	154.827.200
Cty TNHH SX BB và in ấn Trương Gia	-	718.685.748
Công ty TNHH Tân Bình	-	338.837.456
Công ty CP SX TM Vĩnh Phúc	215.546.100	633.446.000
Công ty TNHH Xuân Huy Phát	-	220.444.360
Cty TNHH SX TM Sao Vàng	-	32.255.960
XN Lắp máy và XD Quang Trung	-	44.880.400
Công ty TNHH SX TM DV Q&B	-	44.550.000
Công ty TNHH TM và MT Hậu sanh	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH MTV CK Thế Bằng	5.876.596	781.883.553
Khách hàng Phúc Thành	7.560.000	2.160.000
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thành Long	-	5.790.400
Cty CP XNK & TM DV Bông Súng	-	245.271.400
CN Cty CP G.Định Đại Việt tại Đ.Năng	5.830.000	21.450.000
Cty TNHH CB Nước mắm Mười Thu	-	159.166.082
Cty TNHH Việt Nam BLS	-	12.217.432
Công ty TNHH Thành phát VINA	750.200	27.244.800
Công ty CP XL Điện Tuy Phước	113.102.409	67.722.944
Cửa hàng dầu nhớt Út Mỹ	-	3.000.000
CTy CP Petec Bình Định	6.767.000	7.358.400
Công ty MTV VT Thái Hưng	4.472.600	64.340.100
Công ty TNHH SX TM Trường Phước	-	21.895.000
Cty CP Trường Hải	-	550.699.030
Cty TNHH Gỗ Thành Phúc	-	3.315.037.990
Cty TNHH TM DV T.U.T	5.456.000	26.108.500

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Vinatrans Quy Nhơn	2.550.000	12.012.000
	Cty TNHH MTV vận tải & TM Toàn Tâm	7.042.490	11.290.000
	DNTN Lê Huy Huyền	323.291.650	87.885.000
	Các Khách hàng khác	361.485.903	-
<b>b.</b>	<b>Công ty CP PT Hạ tầng PBC</b>	<b>41.866.564</b>	<b>56.427.964</b>
	Công ty TNHH Xây dựng Bảo Long	2.539.564	2.539.564
	Cty TNHH XD TH Hà Thanh	39.327.000	39.327.000
	Công ty TNHH XD An Đạt	-	14.561.400
<b>c.</b>	<b>Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN</b>	<b>2.232.908.642</b>	<b>729.327.405</b>
	Công ty TNHH THC Sài Gòn tourist	1.810.562.401	713.957.405
	Công ty TNHH TM DV Nội dung số	94.600.000	-
	Khách hàng khác	327.746.241	15.370.000
<b>d.</b>	<b>Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN</b>	<b>13.505.303.186</b>	<b>3.886.172.682</b>
	DNTN Thanh Hải	743.471.593	428.533.406
	XNKD DVTH Cảng Quy Nhơn	1.517.367.671	1.068.888.882
	Võ Ngọc Chính	-	192.099.600
	Công ty TNHH Thương Hải Dung Quất	1.065.130.540	-
	Cty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn	287.353.000	72.540.000
	Cty TNHH SX TM Đức Thịnh	-	325.416.000
	Công ty CP ĐT & XD Bình Định	2.153.994	2.153.994
	Đặng Chí Hậu	1.552.504.600	-
	Khách hàng khác	8.337.321.788	1.796.540.800
	<b>Cộng</b>	<b>20.589.907.526</b>	<b>19.306.606.410</b>

**15. Người mua trả trước tiền hàng ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
<b>a. Tổng Công ty PISICO</b>	<b>6.585.631.468</b>	<b>6.627.689.603</b>
Công ty TNHH ĐT XD YT Gia Thanh	1.400.000.000	-
Khách hàng HARTMAN	5.646.904	403.713.753
Khách hàng SMT J/S	6.868.170	6.868.170
Công ty TNHH TM XD Long Phước	1.500.000	-
Khách hàng CCST LTD	23.687.697	1.157.663.530
Công ty TNHH Trồng Rừng QN	4.808.649.831	4.928.844.704
Khách hàng FREE STYLE	10.765.826	10.765.826
CN Cty CP Phú Tài tại TP.HCM	-	41.771.620
Khách hàng Charrles Bentley	278.513.040	-
Công ty TNHH SX Gia Hưng	50.000.000	-
Công ty CP PISICO Hà Thanh	-	78.062.000
<b>b. Công ty CP PT Hạ tầng PBC</b>	<b>-</b>	<b>41.877</b>
<b>c. Công ty TNHH MTV Truyền Hình Cấp QN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>d. Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>6.585.631.468</b>	<b>6.627.731.480</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.806.098.566	867.716.119
Thuế giá trị gia tăng hàng NK	5.663.561	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.605.911.807	1.738.357.554
Thuế thu nhập cá nhân	71.025.191	17.579.998
Các loại thuế khác	495.000.000	490.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.983.699.125</b>	<b>3.113.653.671</b>

**Chi tiết như sau:**

	<b>01/01/2019</b>	<b>Phải nộp trong kỳ</b>	<b>Đã nộp trong kỳ</b>	<b>31/12/2019</b>
Thuế GTGT bán hàng nội địa	867.716.119	30.545.489.987	29.607.107.540	1.806.098.566
Thuế GTGT hàng NK	-	13.850.886	8.187.325	5.663.561
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.539.465.439	5.539.465.439	-
Thuế thu nhập DN	1.738.357.554	6.622.111.207	5.810.731.685	2.605.911.807
Thuế môn bài	-	16.000.000	16.000.000	-
Thuế nhà đất, thuế đất	-	822.298.111	822.298.111	-
Thuế thu nhập cá nhân	17.579.998	624.678.516	431.830.327	71.025.191
Thuế khác	490.000.000	359.400.000	354.400.000	495.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.044.624.918</b>	<b>44.543.294.146</b>	<b>42.590.020.427</b>	<b>4.858.495.641</b>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Chi phí thuế bản quyền truyền hình	-	523.480.216
Lãi vay phải trả	80.458.306	116.221.315
Tiền lương, phép và tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên	72.940.700	143.939.200
Các khoản chi phí khác	160.379.250	289.326.054
Phí hoa hồng môi giới	168.486.921	-
Tiền nước + Điện + thuế đất	17.563.890	-
Phí kiểm toán BCTC	243.379.090	277.227.272
Chi phí khai thác rừng & QLBV rừng	109.423.036	-
Thù lao HĐQT, thư ký và BKS không chuyên trách	204.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.056.631.193</b>	<b>1.350.194.057</b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Tiền bảo hành các hạng mục XD CB	10.000.000	27.808.000
Tiền cọc cho thuê Văn phòng	134.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	68	-
Kinh phí công đoàn	759.258.447	746.673.468
Lợi nhuận Phải trả	4.669.950.000	2.737.000.000
Cty Nhuận bang (LN Phải trả)	58.634.180	58.634.180
Công ty Cổ phần Thực phẩm XK Bình Định	712.971.000	712.971.000
Công ty CP TMĐT&PT Miền Núi	113.784.055	113.784.055
Phải trả Công Đoàn TCTy	283.824.310	370.656.422
Tiền ốm đau, thai sản (có 1388)	-	39.673.200
Tiền thuê đất thô phải trả NN của các DN	21.165.494	21.165.494
Các khoản khác	61.334.176	109.048.971
<b>Cộng</b>	<b>6.824.921.730</b>	<b>4.937.414.790</b>



**TÔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<b>19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>		<b>2.180.494.975</b>
Trích từ lợi nhuận sau thuế		3.459.589.147
Thu khác		2.090.000
Chi khen thưởng, phúc lợi		4.266.092.335
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>		<b>1.376.081.787</b>
<b>20. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>7.185.974.523</b>	<b>6.612.219.028</b>
Doanh thu nhận trước cho thuê cơ sở hạ tầng CCN Nhơn Bình	2.357.520.109	2.269.404.275
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	2.757.995.971	2.613.769.807
Cho thuê Văn phòng làm việc	279.375.000	157.500.000
Doanh thu nhận trước tiền thuê bao Truyền hình cáp + internet	668.583.443	449.044.946
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	1.122.500.000	1.122.500.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>74.495.935.000</b>	<b>66.655.353.566</b>
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Canh Vinh và Cát Nhơn chưa thực hiện.	72.155.169.783	60.993.222.670
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Nhơn Bình chưa thực hiện.	2.335.167.674	4.539.630.896
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất (NLG)	-	1.122.500.000
Doanh thu nhận trước Thuê bao TH Cáp + internet	5.597.543	-
<b>Cộng</b>	<b>81.681.909.523</b>	<b>73.267.572.594</b>

**TÔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**21. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>26.643.649.201</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>29.206.539.301</b>	<b>344.076.093.642</b>
Lợi nhuận năm 2018					34.901.744.370	34.901.744.370
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(3.196.380.662)	(3.196.380.662)
Chia cổ tức					(22.000.000.000)	(22.000.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					6.474.531.028	6.474.531.028
Chi khác			(1.932.366.965)		(240.000.000)	(240.000.000)
CL tỷ giá năm 2018						(1.932.366.965)
Chia lợi nhuận cho đối tác hợp tác kinh doanh (TH Cáp)					(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>24.711.282.236</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>42.146.434.037</b>	<b>355.083.621.413</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>522.569.600</b>	<b>24.711.282.236</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>42.146.434.037</b>	<b>355.083.621.413</b>
Lợi nhuận năm 2019					34.064.541.993	34.064.541.993
Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi					(2.851.943.355)	(2.851.943.355)
Chia lợi nhuận cho đối tác TH Cáp					(1.850.000.000)	(1.850.000.000)
Chia cổ tức					(22.825.000.000)	(22.825.000.000)
Các khoản tăng/giảm vốn CSH tại Cty liên kết					3.133.877.977	3.133.877.977
CL tỷ giá năm 2019			887.239.262			887.239.262
Điều chỉnh khác		(522.569.600)			522.569.600	-
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>275.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>25.598.521.498</b>	<b>12.703.335.540</b>	<b>52.340.480.252</b>	<b>365.642.337.290</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Vốn góp của chủ sở hữu**

<b>Cổ đông</b>	<b>Tại ngày 31/12/2019</b>		<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	
	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Giá trị</b>
Công ty TNHH TM Ánh	96,83	266.270.000.000	96,83	266.270.000.000
Các cổ đông khác	3,17	8.730.000.000	3,17	8.730.000.000
<b>Cộng</b>		<b>275.000.000.000</b>		<b>275.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.500.000	27.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

**22. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

	<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển hạ tầng P.B.C</b>	<b>Công ty TNHH Nguyên liệu giấy QN</b>	<b>Tổng Cộng</b>
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>6.062.095.429</b>		<b>6.062.095.429</b>
LN của cổ đông thiểu số 2018	1.372.459.215	2.076.105.818	3.448.565.033
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CDTS	(50.560.417)		(50.560.417)
Chia cổ tức cho CDTS	(1.093.750.000)	(1.862.000.000)	(2.955.750.000)
Vốn góp của CDTS	-	4.655.000.000	4.655.000.000
LNST chưa PP của CDTS		323.860.512	323.860.512
Quỹ ĐTPPT phân bổ cho CDTS		1.847.400.870	1.847.400.870
Nguồn vốn XDCD phân bổ cho CDTS		5.586.259.146	5.586.259.146
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>6.290.244.227</b>	<b>12.626.626.346</b>	<b>18.916.870.573</b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>			
2019	1.371.333.979	3.867.229.970	5.238.563.949
Chia cổ tức cho CDTS	-	(2.819.950.000)	(2.819.950.000)
Cổ tức của công ty liên kết CDTS đã nhận tại Công ty con		(239.069.752)	(239.069.752)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận của CDTS	(137.245.792)	(470.400.000)	(607.645.792)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>7.524.332.414</b>	<b>12.964.436.564</b>	<b>20.488.768.978</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán:**

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a. Tài sản thuê ngoài	-	-
b. Tài sản nhận giữ hộ	-	-
c. Ngoại tệ các loại		
Dollar Mỹ (USD)	135.147,29	314.066,40
EURO	313,14	349,66
d. Nợ khó đòi đã xử lý	<b>6.640.552.239</b>	<b>6.640.552.239</b>
Công ty CP XNK Bình Định (tại Văn phòng)	3.794.772.973	3.794.772.973
Cty CP CBLS Hưng Phú (tại Chi nhánh Tp.HCM)	1.828.896.666	1.828.896.666
Công nợ tại Công ty Nguyễn Liệu Giấy	1.016.882.600	1.016.882.600

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Tổng doanh thu	<b>714.591.315.651</b>	<b>571.579.920.247</b>
Các khoản giảm trừ		-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>714.591.315.651</b>	<b>571.579.920.247</b>

**Trong đó:**

Doanh thu sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	666.234.257.176	524.350.493.583
Doanh thu cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	15.332.415.525	15.316.292.837
Doanh thu DV Truyền Hình Cấp	33.024.642.950	31.913.133.827
<b>Cộng</b>	<b>714.591.315.651</b>	<b>571.579.920.247</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Giá vốn sản phẩm Lâm sản và DV Lâm nghiệp	584.387.960.420	442.535.342.678
Giá vốn cho thuê và DV hạ tầng Khu công nghiệp	6.389.846.204	7.204.359.344
Giá vốn DV Truyền Hình Cấp	19.487.036.421	14.958.797.755
<b>Cộng</b>	<b>610.264.843.045</b>	<b>464.698.499.777</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.089.267.380	2.543.046.277
Lãi tiền gửi, cho vay	6.067.526.376	1.446.667.262
Lãi chênh lệch tỷ giá	857.517.223	1.334.103.358
<b>Cộng</b>	<b>13.014.310.979</b>	<b>5.323.816.897</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
Chi phí lãi vay	5.931.295.228	4.343.303.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	424.300.690	798.738.136
Lỗ CLTG đánh giá lại cuối kỳ	29.122.753	
<b>Cộng</b>	<b>6.384.718.671</b>	<b>5.142.041.551</b>



**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**5. Thu nhập khác**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi thanh lý tài sản cố định	55.045.353	301.567.228
Tiền thưởng tàu	165.799.218	-
Xử lý nợ, Thu hồi nợ	60.000	15.633
Thu nhập khác	142.174.543	989.810.019
<b>Cộng</b>	<b>363.079.114</b>	<b>1.291.392.880</b>

**6. Chi phí khác**

	Năm 2019	Năm 2018
Xử lý nợ	-	132.307.000
Thanh lý TSCĐ	-	-
Chi thù lao HĐQT	489.882.354	228.750.000
Các khoản chi phí khác	497.288.977	809.376.426
<b>Cộng</b>	<b>987.171.331</b>	<b>1.170.433.426</b>

**7. Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh**

	Năm 2019	Năm 2018
Phần lãi / (lỗ) trong lợi nhuận sau thuế tính theo tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết:		
- Công ty Cổ phần chế biến gỗ nội thất Pisico	5.456.404.792	3.997.254.361
- Công ty TNHH SX Dăm gỗ BĐ (Gián tiếp)	-	1.342.125.180
- Cty TNHH Nguyên liệu giấy Quy Nhơn	-	285.890.353
- Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	1.612.334.438	2.114.643.818
- Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	3.655.085.331	2.475.831.974
- Công ty TNHH Vật liệu XD PISICO	(935.086.507)	-
- Công ty Cổ phần KD CNN Bình Định	(3.038.812.567)	(3.529.772.455)
<b>Cộng</b>	<b>6.749.925.487</b>	<b>6.685.973.231</b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019	Năm 2018
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>46.413.824.955</b>	<b>45.879.296.575</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>2.491.597.695</b>	<b>3.524.599.366</b>
Các khoản chi phí không được trừ	2.491.597.695	3.524.599.366
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>15.548.051.891</b>	<b>12.249.294.763</b>
Cổ tức và phần lãi từ công ty liên kết	13.971.305.146	7.308.058.541
Lỗ đánh giá SD ngoại tệ năm trước	172.273	20.105.463
Các khoản khác	1.576.574.472	4.921.130.759
<b>Tổng thu nhập chịu thuế TNDN</b>	<b>33.357.370.759</b>	<b>37.154.601.178</b>
<u>Trong đó:</u>		
Thuế TNDN tính theo thuế suất	6.622.111.208	7.430.920.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo QĐ của Cục thuế tỉnh Bình Định	-	98.066.936
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.622.111.208</b>	<b>7.528.987.171</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số**

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế tính cho cổ đông thiểu số tại các Cty con:		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ phát triển hạ tầng P.B.C	1.371.333.979	1.372.459.215
- Công ty TNHH Nguyên liệu Giấy QN	3.628.160.218	2.076.105.819
<b>Cộng</b>	<b>4.999.494.197</b>	<b>3.448.565.034</b>

**10. Lãi cơ bản, Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	34.064.541.993	34.901.744.370
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.064.541.993	34.901.744.370
Trích Quỹ khen thưởng, Phúc lợi	-	2.851.943.355
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	27.500.000	27.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.239</b>	<b>1.165</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.239</b>	<b>1.165</b>

**11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	329.769.456.411	235.907.545.197
Chi phí nhân công	39.756.532.777	49.199.058.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.094.276.806	13.283.835.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.587.758.084	103.788.005.872
Chi phí khác bằng tiền	38.035.723.708	32.391.095.415
<b>Cộng</b>	<b>527.243.747.786</b>	<b>434.569.540.318</b>

**VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Khấu hao tài sản cố định**

	Năm 2019	Năm 2018
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	11.871.425.234	9.418.300.915
Khấu hao tài sản cố định vô hình	402.861.532	322.140.288
Khấu hao bất động sản	3.286.609.348	3.543.394.621
<b>Cộng</b>	<b>15.560.896.114</b>	<b>13.283.835.824</b>

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư**

	Năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, cho vay	6.067.526.376	1.446.667.262
Lãi từ thanh lý tài sản cố định và TS dài hạn khác	55.045.353	301.567.228
Cổ tức và lợi nhuận được chia	6.089.267.380	2.543.046.277
Lãi/lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	6.749.925.487	6.685.973.231
<b>Cộng</b>	<b>18.961.764.596</b>	<b>10.977.253.998</b>

**3. Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền vay ngân hàng	474.877.330.770	322.591.329.433
<b>Cộng</b>	<b>474.877.330.770</b>	<b>322.591.329.433</b>

**4. Tiền chi trả nợ gốc vay**

	Năm 2019	Năm 2018
Tiền vay ngân hàng	511.010.058.642	260.291.019.493
<b>Cộng</b>	<b>511.010.058.642</b>	<b>260.291.019.493</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tập đoàn có các bộ phận kinh doanh chính phân chia theo các lĩnh vực chính dưới sự quản lý của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp: bao gồm sản xuất chế biến, mua bán lâm sản, trồng rừng, các sản phẩm và sản phẩm dịch vụ liên quan đến rừng trồng;
- Kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các dịch vụ đi kèm;
- Dịch vụ truyền hình cáp và các dịch vụ đi kèm;
- Đầu tư tài chính: Đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết và các doanh nghiệp khác có hoạt động kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Sản phẩm làm sản và dịch vụ lâm nghiệp	Hạ tầng Cụm Công nghiệp	Truyền hình cáp	Đầu tư tài chính	Phần theo dõi và quản lý chung	Cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	666.234.257.176	15.332.415.525	33.024.642.950			714.591.315.651
Doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận từ công ty liên kết	5.505.022.403	1.379.049.242	31.418.858	12.839.192.867	9.553.096	19.764.236.466
Thu nhập khác	349.791.841	10.500.000	2.787.273			363.079.114
<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>672.089.071.420</b>	<b>16.721.964.767</b>	<b>33.058.849.081</b>	<b>12.839.192.867</b>	<b>9.553.096</b>	<b>734.718.631.231</b>
Giá vốn hàng bán	584.387.960.420	6.389.846.204	19.487.036.421			610.264.843.045
Chi phí bán hàng	41.443.650.503		1.513.927.833			42.957.578.336
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.590.543.563	3.246.154.554	5.417.934.129	474.366.510		27.728.998.756
Chi phí tài chính	2.507.036.858	0	831.365.607	0	3.046.316.206	6.384.718.671
Chi phí khác	919.581.331	62.340.000	5.250.000			987.171.331
Chi phí phân bổ trực tiếp của bộ phận	647.848.772.675	9.698.340.758	27.255.513.990	474.366.510		685.276.993.933
Chi phí được theo dõi chung của các bộ phận					3.046.316.206	3.046.316.206
<b>Tổng chi phí</b>	<b>647.848.772.675</b>	<b>9.698.340.758</b>	<b>27.255.513.990</b>	<b>474.366.510</b>	<b>3.046.316.206</b>	<b>688.323.310.139</b>
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN</b>	<b>24.240.298.745</b>	<b>7.023.624.009</b>	<b>5.803.335.091</b>	<b>12.364.826.357</b>	<b>-3.036.763.110</b>	<b>46.395.321.092</b>
XN Hạ tầng		543.408.930				
Cty PBC		2.015.784.407				
<b>Tổng chi phí khấu hao TSCD và bất động sản đầu tư</b>	<b>8.144.168.497</b>	<b>2.559.193.337</b>	<b>4.857.534.280</b>			<b>15.560.896.114</b>
<b>Tổng chi phí phát sinh để mua TSCD</b>	<b>3.228.278.364</b>	<b>130.660.000</b>	<b>6.735.938.182</b>			<b>10.094.876.546</b>
Tài sản phân bổ trực tiếp của bộ phận	223.852.673.757	136.551.920.241	31.227.701.526	193.323.646.104		584.955.941.628
Tài sản được theo dõi và quản lý chung					24.699.711.502	24.699.711.502
<b>Tổng tài sản</b>	<b>223.852.673.757</b>	<b>136.551.920.241</b>	<b>31.227.701.526</b>	<b>193.323.646.104</b>	<b>24.699.711.502</b>	<b>609.655.653.130</b>
Nợ phải trả phân bổ trực tiếp của bộ phận	90.541.576.107	110.755.583.367	17.530.331.457			218.827.490.931
Nợ phải trả được theo dõi và quản lý chung					4.697.055.931	4.697.055.931
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>90.541.576.107</b>	<b>110.755.583.367</b>	<b>17.530.331.457</b>		<b>4.697.055.931</b>	<b>223.524.546.862</b>

**2. Thông tin giao dịch với các bên liên quan**

**Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Quan hệ
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Công ty mẹ
Công ty CP CNN Bình Định	Công ty liên kết
Công ty Bidina Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ nội thất Pisico	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Công ty liên kết
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Cùng chủ sở hữu

**TÔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Giao dịch</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2018</b>
Công ty CP CNN Bình Định	Lãi cho vay	669.747.800	
Công ty CP Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Bán hàng	-	370.563.200
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Bán hàng hoá	6.224.378.900	9.220.961.900
	Cho thuê CSHT	780.535.254	789.497.537
	Lãi ứng trước tiền hàng	-	93.347.222
	Mua hàng	137.943.345.817	59.163.918.819
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Doanh thu cho thuê VP	92.944.261	83.136.407
	Cho thuê CSHT	713.187.279	704.361.407
	Lãi ứng trước tiền hàng	1.105.000.000	-
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Lãi ứng trước tiền hàng	2.795.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Doanh thu cho thuê VP	92.944.261	83.136.407
	Doanh thu bán gỗ	557.617.500	762.465.000
	Cho vay	14.220.780.000	-
	Lãi cho vay	87.303.392	-
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng PISICO	Thu lại tiền ứng vốn	-	-
	Lãi ứng vốn	-	93.347.222
Công ty Bidina Lào	Mua gỗ	139.228.076	-

**TỔNG CÔNG TY PISICO BÌNH ĐỊNH - CÔNG TY CỔ PHẦN**

99 Tây Sơn, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2019	31/12/2018
Công ty CP CNN Bình Định	Phải thu về cho vay	4.189.220.000	12.380.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	669.747.800	-
Công ty CP Chế biến gỗ nội thất Pisico	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.200.400.000
Công ty CP Chế biến gỗ Pisico Đồng An	Phải thu khác ngắn hạn	-	1.101.056.000
Công ty Cổ phần Pisico - Hà Thanh	Người mua trả trước	-	78.062.000
	Phải thu khách hàng	1.160.399.230	-
Công ty TNHH TM Ánh Việt	Phải thu khách hàng	1.614.792.355	798.675.745
	Ứng trước cho người bán	17.000.000.000	17.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	1.105.000.000	-
Công ty TNHH khoáng sản Việt Lâm	Ứng trước cho người bán	43.000.000.000	43.000.000.000
	Phải thu khác ngắn hạn	2.795.000.000	-
Công ty TNHH TM Ánh Vy	Phải thu khách hàng	1.507.579.550	862.589.696
	Phải thu về cho vay	14.220.780.000	-
	Phải thu khác ngắn hạn	87.303.392	-
Công ty Bidina Lào	Phải trả người bán	139.228.076	-

Bình Định, ngày 21 tháng 01 năm 2020



Nguyễn Đức Phước  
Lập biểu



Nguyễn Hoàng Lam  
Kế toán trưởng



Đông Thị Ánh  
Tổng Giám đốc